

TÌM HIỂU TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC VÀ SỬ DỤNG NHÂN TÀI DƯỚI THỜI QUANG TRUNG - NGUYỄN HUỆ

(Nhân Kỷ niệm 225 năm chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa 1789 - 2014)

ThS. NGUYỄN LÊ HÀ
 Trường Đại học Quang Trung

1. Sơ lược về Quang Trung - Nguyễn Huệ

Nguyễn Huệ sinh năm 1753 ở ấp Kiên Thành, huyện Phù Li, phủ Quy Nhơn, dinh Quảng Nam (thuộc Tây Sơn hạ đạo, nay là huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định), trong một gia đình nông dân khá giả, sống bằng nghề nông, kết hợp với buôn bán. Ông được gia đình cho đi học và có một trình độ văn hóa nhất định. Tuy không phải là người khoa cử, song Nguyễn Huệ là người chăm học và học tập từ thực tiễn. Giáo sư Hoàng Xuân Hãn viết: "...Quang Trung giỏi về đường võ bị, về đường thao lược, Ông tuy là người không có học (ý nói không được học bài bản qua trường lớp) nhưng biết dùng người có học. Đây là một đặc điểm của những người mà người ta gọi là anh hùng, đời xưa là thế... Ông Quang Trung tự nói rằng, Ông có cái kiến thức của Ông là vì mắt thấy, tai nghe...". Người thầy dạy văn, võ có ảnh hưởng nhiều đến tư tưởng, chí hướng của Ông là thầy giáo Hiến, một nho sĩ yêu nước thời bấy giờ. Nguyễn Huệ là một trong những lãnh tụ của phong trào nông dân Tây Sơn do ba anh em Nguyễn Nhạc, Nguyễn Huệ, Nguyễn Lữ lãnh đạo, tồn tại trong 21 năm, Ông lên ngôi vua ngày 25/11/1788 và lấy hiệu là "Quang Trung", chỉ chấp chính trong 4 năm. Nguyễn Huệ thọ 39 tuổi (1753-1792). Quang Trung - Nguyễn Huệ là một thiên tài quân sự kiệt xuất. Giáo sư lịch sử, Nhà giáo nhân dân Phan Huy Lê viết:

"... Quang Trung - Nguyễn Huệ là một anh hùng bách chiến bách thắng, một người táo bạo, quyết đoán nhưng cũng rất nhân ái, độ lượng, biểu thị ý chí và ước mơ lớn nhất của dân tộc ta là được sống trong độc lập, thanh bình, trong quan hệ hòa hiếu với lân bang".

Quang Trung - Nguyễn Huệ là một anh hùng dân tộc kiệt xuất.

Con người và sự nghiệp Quang Trung - Nguyễn Huệ kết tinh và biểu thị tư tưởng, tình cảm, trí tuệ của nhân dân, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc.

Sự nghiệp của Quang Trung - Nguyễn Huệ là một bản hùng ca của thế kỉ áo vải cờ đào, một thời đầy biến động và bão táp của đất nước.

Con người và sự nghiệp ấy sống mãi trong lịch sử quang vinh của dân tộc và trong tình cảm, kí ức bất diệt của nhân dân".

Những lời ca ngợi trên đã nói lên tài năng, bản chất, những đóng góp của Quang Trung - Nguyễn Huệ với đất nước. Ông mất năm 39 tuổi, nhưng đã để lại những chiến công vang dội:

Năm 1771 (18 tuổi) cùng anh phát cờ khởi nghĩa ở đất Tây Sơn;

Năm 1775 (22 tuổi) đánh thắng trận Phú Yên mở đầu một binh nghiệp bách chiến bách thắng;

Năm 1777 (24 tuổi), 1782 (29 tuổi), 1783 (30 tuổi) tham gia những cuộc tiến công lớn vào Gia Định, đánh đuổi chế độ chúa Nguyễn;

Năm 1785 (32 tuổi) lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Xiêm, lập nên chiến công Rạch Gầm - Xoài Mút;

Năm 1786 (33 tuổi) đưa phong trào Tây Sơn phát triển lên qui mô toàn quốc, chấm dứt tình trạng đất nước bị chia cắt, lập lại nền thống nhất quốc gia;

Năm 1789 (36 tuổi) lãnh đạo cuộc kháng chiến chống Thanh, lập nên chiến thắng Ngọc Hồi - Đống Đa hiển hách muôn đời;

Năm 1789 - 1792 (36-39 tuổi) thiết lập một vương triều mới, ra sức xây dựng lại đất nước, củng cố độc lập dân tộc và thống nhất quốc gia;

Từ năm 1771 - 1792 (18-39 tuổi) trong 21 năm liên Quang Trung - Nguyễn Huệ đã cống hiến tất cả tâm hồn, tài năng và nghị lực của mình cho cuộc đấu tranh vì lợi ích của nhân dân... vì độc lập dân tộc và thống nhất quốc gia. Cuộc đời và sự nghiệp của Quang Trung - Nguyễn Huệ là một bản anh hùng ca tuyệt vời...

2. Tư tưởng giáo dục và trọng dụng nhân tài dưới thời Quang Trung - Nguyễn Huệ

Quang Trung - Nguyễn Huệ là một nhà quân sự kiệt xuất, song Ông rất quan tâm đến giáo dục và trọng dụng nhân tài của đất nước. Biết Nguyễn Thiếp, người làng Nguyệt Ao, huyện Can Lộc (Hà Tĩnh), đậu tam trường khoa thi Hội, làm quan đến chức Tri huyện Thanh Chương (Nghệ An). 1769 chán cảnh vua tôi thời Lê - Trịnh, Ông từ quan về ở ẩn tại chân núi Thiên Nhẫn (Nghệ An) cày ruộng, đọc sách, dạy học, Ông là một hiền tài. Quang Trung - Nguyễn Huệ đã bốn lần xin gặp Ông. Với lòng kiên trì, lời lẽ khiêm nhường: Ta sinh ra ở chỗ hẻo lánh, học ở sự nghe trông (ý nói

không học qua trường lớp, không được học sách thánh hiền), Nguyễn Thiếp rất đần độn, mãi đến khi biết được sự nghiệp chính nghĩa của Quang Trung - Nguyễn Huệ khi tiến quân ra Bắc đánh giặc Thanh, Nguyễn Thiếp mới tiếp kiến Ông. Sau cuộc hội kiến với Nguyễn Thiếp, theo kiến nghị của Cụ, vua Quang Trung ban chiếu lập Viện Sùng chính đặt nơi cụ ở ẩn, mời cụ làm Viện trưởng, chuyên dịch sách sang chữ Nôm, giao cho Cụ làm hứng khởi nền học chính, đào tạo nhân tài, thấy ai học hay, hạnh tốt, tâu lên triều để chọn. Chỉ trong vòng từ 1791-1792 các sách Tiểu học, Tứ thư, Kinh thi, Kinh thư, Kinh dịch đã được dịch xong ra chữ Nôm. Quang Trung cũng lấy chữ Nôm sử dụng trong các chiếu chỉ, lệnh, thư của triều đình và có ý định dùng chữ Nôm như một Quốc ngữ. Nguyễn Thiếp cũng đã chỉ ra rằng, phải xây dựng một nền giáo dục có mục tiêu chính đáng (không từ chương, không vì danh lợi...), người chấp chính quý người có học, trọng dụng người có tài, có chính sách thỏa đáng với trí thức (tổ chức, đãi ngộ), bước đầu có ý tưởng thoát khỏi vòng từ chương, cử nghiệp. Ngoài Nguyễn Thiếp, Quang Trung - Nguyễn Huệ còn giao cho Ngô Thì Nhậm quê ở làng Tả Thanh Oai, huyện Thanh Oai (Hà Nội), đỗ đầu kì thi Hương (1768), đỗ tiến sĩ (1775) làm quan dưới thời Lê - Trịnh, là một người học rộng tài cao, được Quang Trung trọng dụng giao thảo Chiếu lập học và Chiếu cầu hiền.

Trong Chiếu lập học: mở đầu chiếu chỉ, nhà vua đã nêu rõ triết lí cơ bản của giáo dục và trọng dụng nhân tài là:

Dựng nước lấy việc dạy học làm đầu

Trị nước lấy việc chọn nhân tài làm gấp.

Sau thời loạn phải sửa sang và đẩy mạnh việc giáo hóa và đặt lại khoa cử, đó là phương pháp chuyển loạn làm trị. Lên ngôi vua tôn trọng nho học, quý mến kẻ sĩ, muốn được người có thực tài ba giúp nước. Lập tờ chiếu này khuyên các nơi lập trường học, chọn nho sĩ có học hành tốt ra làm thầy giảng dạy, rèn tập. Mỗi phủ có Văn miếu, có quan Huấn đạo. Năm nay mở khoa thi Hương, ai đỗ hạng ưu sẽ vào học trường phủ. Ai đã đỗ Hương, Cống mà chưa được bổ sung, thì cho vào kinh đợi bổ làm Huấn đạo hoặc Tri huyện. Bọn "sinh đồ ba quan" hạ xuống hạng thường dân. Đây là phép lớn của Nhà nước, mọi người nên quyết tâm cố gắng làm đúng, dâng tiến mạnh lên con đường rộng lớn sáng sủa.

Trong Chiếu cầu hiền: Nhà vua đã ví người hiền ở trên đời như sao sáng soi ở trên trời. Khi trong nước có nhiều biến cố, người hiền ở ẩn, không chịu xuất hiện, Trẫm tìm chưa ra. Nay đang buổi khó khăn, vận trời rối loạn, nhà vua có nhiều thiếu sót, biên cương đang lo khôi phục, nỗi đau khổ của dân chưa được hồi sinh, người quân tử phải ra mà sửa sang việc đời. Trẫm nghĩ, một người không thể dựng nên cuộc thái

bình. Thăm dò trong cõi thế nào cũng có người kiệt xuất. Vậy ban tờ Chiếu này để trăm họ ai có tài năng học thuật, mưu chước hơn người, thì dâng lên, hoặc tiến cử, trình kiến, tự dâng thư (nói đúng thì nghe, nói không đúng không bắt tội), tùy tài sẽ sắp xếp công việc. Nay trời đất thanh bình là lúc các hiền giả gặp gió mây. Những người tài đức, nên hăng hái ra thi thố trước sân vua, một lòng kính cẩn cùng nhau hưởng phúc tôn vinh.

Mặc dù còn ảnh hưởng tư tưởng của nền giáo dục phong kiến khoa cử, học để làm quan, Chiếu lập học và Chiếu cầu hiền là đường lối phát triển giáo dục, sử dụng nhân tài đến tận xã dưới thời vua Quang Trung.

Với tư tưởng tiến bộ về giáo dục và trọng dụng nhân tài như một chính sách, Quang Trung - Nguyễn Huệ đã tập hợp xung quanh mình những trí thức tài năng (đã làm việc trong chế độ cũ thời Lê - Trịnh) như Phan Huy Ích, Trần Văn Kỳ, Nguyễn Thiếp, Ngô Thì Nhậm... làm cố vấn cho Ông trong sự nghiệp của phong trào Tây Sơn. Chính Ông cũng đã đào tạo nhiều nhân tài quân sự tiêu biểu là Ngô Văn Sở, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Phan Văn Lân, đô đốc Tuyết, đô đốc Bảo, đô đốc Long, đô đốc Lộc... Những tướng lĩnh này đã giúp quân Tây Sơn đánh đầu thắng đấy. Ngô Văn Sở đã đánh bại quân Lê - Trịnh nhiều lần, đã cùng Nguyễn Huệ thân chinh chỉ huy tấn công đồn Ngọc Hồi nổi tiếng vào sáng ngày mùng 5 tháng Giêng mùa xuân năm Kỷ Dậu (1789). Trần Quang Diệu đã lập được nhiều chiến công trong việc đánh đổ chế độ chúa Nguyễn ở Đàng Trong, Phan Văn Lân, đô đốc Long, đô đốc Bảo, đô đốc Tuyết, đô đốc Lộc đều là những người có công trong trận đại phá quân xâm lược Mãn Thanh. Trong các tướng lĩnh của quân Tây Sơn có Bùi Thị Xuân, là vợ Thiếu phó Trần Quang Diệu, Bà đã cùng chồng xông pha chiến trận và lập được nhiều chiến công. Nguyễn Huệ là vị vua dám dùng một nữ tướng - nữ tướng Bùi Thị Xuân tài năng và dũng cảm.

Quang Trung - Nguyễn Huệ là người tin dùng các tướng lĩnh và các quan lại của Ông. Ông có can đảm giao cho họ nhiều chức trách trọng yếu, và để cho họ tự do hành động, làm cho họ có điều kiện phát huy đầy đủ sáng kiến, tài năng của mình. Đó cũng chính là một trong những nguyên nhân để quân Tây Sơn lập được nhiều chiến công.

3. Phát huy truyền thống lịch sử của dân tộc

Dân tộc ta đã trải qua hơn bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước, đã lập nên nhiều chiến công hiển hách, nhiều truyền thống tốt đẹp như suối nguồn chảy mãi. Một trong những truyền thống đó là truyền thống hiếu học và trọng dụng hiền tài.

Thần Nhân Trung (1418-1499) người đã đỗ tiến sĩ dưới thời vua Lê Thánh Tông, trên bia ghi tên các tiến sĩ khoa thi tại Văn Miếu thời bấy giờ, Ông viết: